

Bản án số: 32/2019/DS-ST

Ngày: 21/3/2019.

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Võ Văn Cường**.

+ Ông **Lê Văn Thành**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 329/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm: 1965 (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng Nam A**, sinh năm: 1981 (*có mặt*)

Chị **Lê Thị Tuyết N**; sinh năm 1988.

(Chị N uỷ quyền cho anh Nguyễn Hoàng Nam A).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Nguyên đơn trình bày:

-Tại đơn khởi kiện ngày 04.8.2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Do quen biết nên bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Hoàng Nam A và bà Lê Thị Tuyết N vay hai lần như sau: Ngày 21/11/2017 cho vay 200.000.000đ và ngày 06/02/2018 cho vay 100.000.000đ. Khi vay có viết biên nhận nợ và thoả thuận thời hạn vay là 30 ngày, khi nào cần vốn

bà C đòi thì phía anh Nam A và chị N trả lại, lãi suất là 5%/tháng. Trả lãi khi đến hạn trả vốn.

Khi đến hạn trả nợ thì phía anh Nam A và chị N không trả vốn và lãi nên phát sinh tranh chấp. Nay bà C yêu cầu anh Nam A và chị N trả 300.000.000đ tiền vốn vay và lãi suất phát sinh từ khi vay đến nay theo qui định pháp luật từ khi vay đến nay. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Bị đơn trình bày:

Anh Nguyễn Hoàng Nam A trình bày:

- Ngày 21/11/2017 anh và vợ là chị N có vay của bà C 200.000.000đ, anh chị trả lãi mỗi tháng 10.000.000đ từ tháng 11/2017 đến tháng 8/2018.

- Ngày 06/02/2018 anh chị có vay tiếp 100.000.000đ nữa. Đến ngày 06.4.2018 anh chị trả lại cho bà C 100.000.000đ vốn.

Cả hai lần vay điều có viết biên nhận nợ giao cho bà C cất giữ, và thoả thuận thời gian trả vốn là 30 ngày. Nhưng khi anh chị trả lãi hàng tháng và trả lại 100.000.000đ vốn cho bà C thì không có viết biên nhận.

Nay anh xác định anh và chị N còn nợ bà C 200.000.000đ vốn và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ, và xin không trả lãi.

Ngoài ra khi vay tiền anh có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 38, diện tích 199,1m², vào sổ cấp giấy số CH03702, ngày 25/4/2013, cấp cho hộ cha anh tên Nguyễn Văn T, lập thủ tục chuyển nhượng cho bà C tại Phòng Công chứng Công chứng để làm tin vay tiền. Nay anh yêu cầu huỷ hợp đồng công chứng trên và yêu cầu bà C trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

- **Về thẩm quyền:** Nguyên đơn bà C có đơn đề nghị Toà án giải quyết tranh chấp: “Hợp đồng vay” với bị đơn anh Nam A và chị N có địa chỉ tại ấp X, xã Y, huyện Z. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- **Về phạm vi giải quyết vụ án:** Bà C có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay với bị đơn anh Nam A và chị N, Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nam A có ý kiến yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà C với hộ cha anh là ông Nguyễn Văn T. Anh khai là hộ ông T ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 38, diện tích 199,1m² với bà C, là để làm tin cho anh vay tiền của bà C.

Toà án đã ra thông báo số 01/QĐ-TAH, ngày 19/11/2018 cho anh Nam A và ông T nêu có yêu cầu Toà án giải quyết thì phải có đơn phản tố và đơn yêu cầu độc lập và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật để Toà án có cơ sở xem xét yêu cầu

trên. Nhưng hết thời gian qui định mà các đương sự không có đơn phản tố và đơn yêu cầu độc lập. Đồng thời bà C có ý kiến là việc bà ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên với hộ ông T là hoàn toàn độc lập không liên quan gì đến việc bà cho anh Nam A và chị N vay tiền. Do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét ý kiến này của anh Nam A. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác là phù hợp với qui định tại Điều 5, Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

-Xét yêu cầu đòi lại 300.000.000đ vốn vay của bà C:

Bà C khởi kiện yêu cầu anh Nam A và chị N trả 2 lần vốn vay là 300.000.000đ, bà cung cấp cho Toà án hai biên nhận vay tiền ngày 21/11/2017 và ngày 6/2/2018. Anh Nam A thừa nhận chữ ký và chữ viết tên vay tiền trong hai biên nhận trên là của anh và vợ là chị N là đúng. Anh xác định anh và chị N có vay của bà C hai lần tổng cộng là 300.000.000đ. Nhưng đến ngày 06/4/2018 anh và chị N có trả cho bà C được 100.000.000đ vốn, nhưng khi trả không viết biên nhận. Lời khai này của anh không được bà C thừa nhận, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay anh Nam A và chị N cũng không có chứng cứ gì chứng minh là anh chị đã trả cho bà C 100.000.000đ và ngày 06/4/2018. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét lời khai của anh Nam A, mà có đủ căn cứ xác định là anh Nam A và chị N hiện còn nợ bà C 300.000.000đ vốn vay là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án này và được thẩm tra tại phiên toà hôm nay.

-Xét yêu cầu tính lãi của bà C từ khi vay đến nay:

Tại phiên toà hôm nay bà C và anh Nam Anh khai thống nhất là khi làm giấy biên nhận vay tiền không có ghi lãi suất, nhưng hai bên thoả thuận với nhau là lãi suất 5%/ tháng. Thời hạn vay là một tháng.

Mặt khác anh Nam A khai là có trả bà C mỗi tháng 10.000.000đ lãi từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 8 năm 2018, tổng cộng là 90.000.000đ, nhưng khi trả không có viết biên nhận, bà C không thừa nhận là anh Nam A và chị N có trả lãi cho bà. Anh Nam A và chị N cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của anh chị là có trả lãi cho bà C tổng cộng là 90.000.000đ. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét lời khai của anh Nam A. Mà xác định là anh Nam A và chị N chưa trả lãi cho bà C là phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay bà C có yêu cầu tính lãi theo qui định pháp luật từ khi vay đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận. Mặt khác khi vay hai bên thoả thuận lãi suất 5%/tháng là cao so với qui định hiện nay. Do đó cần phải điều chỉnh lại mức lãi suất cho phù hợp với qui định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là việc thoả thuận lãi suất của các đương sự không vượt quá 20%/1 năm = 1,66%/tháng . Cụ thể như sau:

- Đối với số tiền 200.000.000 vay ngày 21/11/2017 đến nay 21/3/2019 là 16 tháng $X 1,66\%/tháng = 53.120.000đ$

- Đối với số tiền vay 100.000.000 đ vay ngày 06/2/2018 đến nay 21/3/2019 là 13 tháng 15 ngày $X 1,66\%/tháng = 22.410.000đ$

Tổng cộng tiền lãi: 75.530.000 đồng.

- Xét yêu cầu của bà C buộc anh Nam A và chị N liên đới trả nợ cho bà:

Nhận thấy anh Nam A và chị N là vợ chồng hiện đang chung sống với nhau. Đồng thời tại biên nhận hai lần vay anh Nam A và chị N điều ký vào biên nhận vay tiền, anh Nam A thừa nhận là vợ chồng anh cùng vay tiền nhằm phát triển kinh tế gia đình. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà C là buộc anh Nam A cùng vợ là chị N liên đới trả nợ cho bà là phù hợp với qui định tại Điều 288 Bộ luật dân sự.

- Xét yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật của bà C.

Nhận thấy khi vay hai bên có thoả thuận thời gian vay là 30 ngày, đồng thời nếu bà C cần tiền thì đòi lại vốn, nếu không thì cho vay tiếp, nhưng đến hạn anh Nam A và chị N không trả được. Sau đó bà C đòi nhiều lần nhưng đến nay phía bị đơn cũng không trả được cho thấy phía bị đơn là người có lỗi đã vi phạm nghĩa vụ cam kết ban đầu. Anh Nam A có ý kiến xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ vốn không trả lãi, không được bà C chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà C là buộc phía bị đơn trả vốn và lãi phát sinh một lần, sau khi án có hiệu lực pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của anh Nam là phù hợp.

Về án phí: Bị đơn anh Nam A và chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Xét thấy anh Nam A và chị N có đơn xin giảm một phần án phí do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương, Nên Hội đồng xét xử xem xét giảm 50% tiền án phí mà anh chị phải chịu trong vụ án này là đúng qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 288, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

- Buộc anh Nguyễn Hoàng Nam A và chị Lê Thị Tuyết N liên đới trả cho bà C số tiền 300.000.000 đồng tiền vốn vay và 75.530.000 đồng lãi suất phát sinh. Tổng cộng là 375.530.000 đồng. (Ba trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi ngàn đồng chẵn).

Thời gian tra: Trả sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nam A và chị N chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí:

- Anh Nam A và chị N phải liên đới chịu 9.388.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn lại cho Bà Nguyễn Thị C 8.091.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 09125 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

3/ Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Hoàng Nam A và chị Lê Thị Tuyết N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè ;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM THANH DŨNG